

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẮNG BOM
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **02/2018/HNGĐ-ST**
Ngày: 08- 01-2018
V/v : “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẮNG BOM, TỈNH ĐỒNG NAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Hồng Ngọc

Các hội thẩm nhân dân:

1. Bà Đào Thị Giang

2. Ông Tạ Văn Đài

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Hà - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai tham gia phiên tòa: Ông Phạm Ngọc Lương – Kiểm sát viên.

Ngày 08 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 627/2017/TLST-HNGĐ, ngày 10 tháng 10 năm 2017 về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2017/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 12 năm 2017 và Quyết định hoãn phiên tòa số 74/2017/QĐST-HNGĐ ngày 20/12/2017 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh **Phạm Văn T**, sinh năm 1980.

Địa chỉ: 8/2, ấp B, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Chị **Mai Thị C**, sinh năm 1992.

Địa chỉ: 8/2, ấp B, xã H, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

(Ông T có mặt, bà C vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, quá trình tiến hành tố tụng và tại phiên Tòa anh Phạm Văn T trình bày:

Anh và chị Mai Thị C kết hôn với nhau năm 2008, hôn nhân tự nguyện, có tổ chức đám cưới nhưng đến tháng 4/2010 anh và chị C mới đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27 ngày 19/4/2010. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc nhưng đến năm 2012 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, do đời sống kinh tế khó khăn, giữa hai vợ chồng hay cãi nhau về vấn đề tiền bạc dẫn đến cuộc sống gia đình trở nên ngột ngạt, nặng nề cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc, tình cảm không còn. Từ năm 2012 chị C bỏ đi khỏi nhà thỉnh thoảng có về nhà nhưng đến năm 2014 thì chị C bỏ đi hẳn khỏi địa

phương, anh đã tìm kiếm nhưng không có kết quả, không có tin tức. Tại quyết định giải quyết việc dân sự số 17/2017/QĐST-VDS ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom đã tuyên bố chị Mai Thị C mất tích. Từ đó đến nay cũng không có tin tức gì của chị C. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên anh xin được ly hôn với chị Mai Thị C.

- Về con chung: Anh chị có 01 con chung là Phạm Mai Văn T, sinh ngày 11/11/2008. Ly hôn anh T xin được trực tiếp nuôi con và tạm thời không yêu cầu chị Mai Thị C phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tiến hành xác minh tại địa phương về mâu thuẫn vợ chồng anh T chị C, kết quả xác minh thể hiện quá trình chung sống vợ chồng anh T và chị C không hạnh phúc, do chị C không lo làm ăn và chăm sóc con, chị C đã bỏ con lại cho anh T chăm sóc từ năm 2014 đến nay không thấy về. Tòa án đã tiến hành niêm yết thông báo thụ lý vụ án cho chị C nhưng chị C không gửi cho Tòa án ý kiến của mình đối với yêu cầu của anh T và cũng không giao nộp tài liệu, chứng cứ. Tòa án đã nhiều lần niêm yết Thông báo, giấy triệu tập chị C đến Tòa án để lấy lời khai đối chất; tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng chị C không đến Tòa án làm việc.

Ý kiến của Viện Kiểm sát: Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật về tố tụng, bảo đảm sự vô tư, khách quan trong việc giải quyết vụ án. Về nội dung tranh chấp: Cuộc sống hôn nhân của anh Phạm Văn T, chị Mai Thị C không có hạnh phúc, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích của hôn nhân không đạt được nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh T. Giao con chung là cháu Phạm Mai Văn T cho anh T trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh T khai không có nợ chung, không có tài sản chung và chị C cũng không có ý kiến nên Tòa án không giải quyết trong vụ án này.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

Về tố tụng: Chị Mai Thị C đã được Tòa án tuyên bố mất tích nên Tòa án không thể tổng đạt trực tiếp các văn bản tố tụng cho chị C được. Để đảm bảo thủ tục tố tụng, Văn phòng Thừa Phát lại, Tòa án và Chính quyền địa phương đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tổng đạt trực tiếp cho chị C được và niêm yết: “Thông báo thụ lý vụ án”, “Giấy triệu tập”, “Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải”, “Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải”, “Thông báo về việc thu thập được tài liệu chứng cứ” tại địa chỉ nơi chị C cư trú cuối cùng, tại trụ sở UBND xã Trung Hòa và trụ sở Tòa án (các bút lục số 14,15,15a,16, 26, 27, 28, 33, 34, 35, 36) đúng thời hạn luật định nhưng chị C vẫn không đến Tòa án làm việc. Do chị C đã được thông báo nhiều lần nhưng vẫn không đến tham gia phiên họp nên Tòa án đã lập biên bản ghi nhận việc không thể tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải được. Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa do vắng mặt chị C cũng đã được tiến

hành niêm yết công khai theo đúng quy định của pháp luật. Như vậy chị C đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng chị C vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị C theo quy định tại Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung tranh chấp: Anh T yêu cầu ly hôn với chị C, yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung; nợ chung không có, tài sản chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Các nội dung này đã được Tòa án ghi rõ trong các Thông báo mà chị C đã được niêm yết hợp lệ nhưng chị C không có ý kiến phản đối, không giao nộp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án để giải quyết.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Trên cơ sở lời khai, lời trình bày của anh T, lời khai của con anh T, chị C và kết quả xác minh tại địa phương thì thấy cuộc sống chung của anh T và chị C không có hạnh phúc, không có sự yêu thương, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình. Đã vi phạm nghiêm trọng quyền, nghĩa vụ của vợ chồng, làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Trên thực tế, chị C đã bỏ đi khỏi nhà và địa phương từ năm 2014 đến nay, không quan tâm, chăm sóc chồng con. Tòa án đã nhiều lần niêm yết hợp lệ thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai tiếp cận chứng cứ và hòa giải cho chị C để tiến hành hòa giải nhưng chị C không đến, cho thấy chị C không có thiện chí trở về đoàn tụ với anh T. Đồng thời chị C đã mất tích theo quyết định giải quyết việc dân sự số 17/2017/QĐST-VDS ngày 14/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện Trảng Bom theo quy định tại Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015. Do vậy yêu cầu của anh T về việc xin ly hôn với chị C là có cơ sở chấp nhận.

[2] Về con chung: Tòa án đã nhiều lần niêm yết giấy triệu tập chị C đến Tòa án lấy lời khai, tiến hành đối chất để chị C có cơ hội chứng minh về điều kiện, khả năng nuôi con của mình nhưng chị C không đến Tòa án làm việc nên Tòa án căn cứ chứng cứ do anh T cung cấp và kết quả xác minh tại địa phương để xem xét về điều kiện nuôi con của các bên. Xét về điều kiện nuôi con của anh T thì thấy anh T hiện đang nuôi con chung; Anh T và con có nơi cư trú ổn định. Anh T làm xây dựng công việc ổn định. Còn chị C thì đã bỏ nhà đi từ lâu, không biết ở đâu, không biết điều kiện nuôi con của chị C thế nào đồng thời cháu Phạm Mai Văn T cũng có lời khai xin được ở với anh T. Xét quyền lợi về mọi mặt của con, xét nguyện vọng của con thì việc giao con chung cho anh T nuôi là phù hợp. Do vậy chấp nhận yêu cầu của anh T. Giao cháu Phạm Mai Văn T cho anh Phạm Văn T trực tiếp chăm sóc và nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu nên tạm thời chị C không phải cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về nợ chung và tài sản chung: Anh T cam kết anh và chị C không có nợ chung, không có tài sản chung. Chị C đã được Tòa án thông báo về các ý kiến, yêu cầu này của anh T nhưng cũng không có ý kiến gì. Do vậy Tòa án không giải quyết về tài sản chung và nợ chung của anh T, chị C trong vụ án này.

[4] Về án phí ly hôn: Anh Phạm Văn T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) và được khấu trừ vào 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền tạm ứng án phí mà anh Tuấn đã nộp.

[5] Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 2 Điều 68 Bộ luật dân sự năm 2015;
- Các Điều: 51, 56, 58, 81, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;
- Các Điều: 28, 147, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy Ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh Phạm Văn T. Anh Phạm Văn T được ly hôn với chị Mai Thị C.
2. Về con chung: Giao cháu Phạm Mai Văn T, sinh ngày 11/11/2008 cho anh Phạm Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Tạm thời chị Mai Thị C không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Không ai được ngăn cản quyền đi lại thăm nom, chăm sóc con chung của chị Mai Thị C. Vì quyền lợi của con chung, khi cần thiết các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con và yêu cầu cấp dưỡng nuôi con chung.

3. Về tài sản chung: Anh T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

4. Về nợ chung: Anh T khai không có nên Tòa án không xem xét giải quyết.

5. Về án phí: Anh Phạm Văn T phải nộp 300.000 đồng (*ba trăm ngàn đồng*) án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn, tranh chấp nuôi con. Số tiền này được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí anh T đã nộp theo biên lai thu số: 005693 ngày 10/10/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trảng Bom. Anh T đã nộp đủ án phí.

6. Anh Phạm Văn T có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị Mai Thị C có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Nai;
- VKSND huyện Trảng Bom;
- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- UBND xã Trung Hòa, huyện Trảng Bom, tỉnh Đồng Nai (cấp giấy chứng nhận kết hôn số 27, ngày 19/4/2010);
- Chi cục T.H.A. dân sự huyện Trảng Bom;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Lê Hồng Ngọc

